

THỰC TRẠNG MỨC ĐỘ THÍCH ỨNG VỚI HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN DÂN TỘC THIỂU SỐ TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

TRƯƠNG THỊ THẢO*

Ngày nhận bài: 17/05/2016; ngày sửa chữa: 18/05/2016; ngày duyệt đăng: 23/05/2016.

Abstract: The adaptation to learning activities at university plays a very important role for ethnic minority students, helping them improve learning outcome and develop their personalities. The article analyses adaptation level of ethnic minority students to learning. The results of analysis are the bases for the teachers to organize learning activities and find out solutions to help students improve adaptation level and enhance learning results.

Keywords: Level of adaptation to learning activities, students of ethnic minorities.

Sự thích ứng với hoạt động học tập (HĐHT) có vai trò rất quan trọng đối với sinh viên (SV), giúp các em định hướng, điều khiển, điều chỉnh một cách tự giác, tích cực thái độ, hành vi của bản thân để đáp ứng được các yêu cầu của việc học. Đối với SV, đặc biệt là SV dân tộc thiểu số (DTTS), sự thích ứng là một trong những đặc điểm tâm lý quan trọng liên quan đến kết quả học tập của các em, thậm chí còn chi phối việc hoàn thiện các thuộc tính tâm lý quan trọng, cần thiết của SV. Việc hình thành khả năng thích ứng với HĐHT trong thời gian đầu ở giảng đường đại học giúp các em có phương pháp, cách thức học tập phù hợp, học tập của các em hiệu quả hơn và là điều kiện cho sự phát triển nhân cách của các em.

Bước vào đại học, SV DTTS được tiếp cận với các tri thức, kĩ năng, kĩ xảo về nghề nghiệp trong tương lai và tiến hành hoạt động học với các phương pháp tự học là chủ yếu, đòi hỏi ở các em một sự thay đổi tương đối lớn trong cách học, phương pháp, cũng như thái độ học tập. Điều đó làm cho SV DTTS khó thích ứng với HĐHT trong năm học đầu tiên dẫn đến kết quả học tập chưa cao.

Bài viết tìm hiểu về thực trạng mức độ thích ứng (MĐTƯ) với HĐHT của SV DTTS Trường Đại học Hồng Đức nhằm nâng cao hiệu quả học tập cho SV.

1. Khái niệm công cụ

Tiến hành nghiên cứu MĐTƯ với HĐHT của SV DTTS Trường Đại học Hồng Đức, chúng tôi xuất phát từ khái niệm cơ bản: “MĐTƯ với HĐHT của SV DTTS là mức độ thay đổi nhận thức, thái độ và kĩ năng học tập để hình thành những cấu trúc tâm lý mới đáp ứng được những nhiệm vụ học tập mới”.

MĐTƯ với HĐHT của SV DTTS thể hiện ở 3 mặt: nhận thức, thái độ và kĩ năng đối với các hành động học tập cơ bản sau: - Phân phối và sắp xếp thời gian học tập; - Chuẩn bị nghe giảng; - Lĩnh hội thông tin bài giảng; - Sử dụng giáo trình và tài liệu tham khảo; - Chuẩn bị và tiến hành seminar; - Ôn tập.

2. Phương pháp nghiên cứu

Chúng tôi sử dụng đa dạng các phương pháp nghiên cứu như: quan sát, phỏng vấn sâu, nghiên cứu sản phẩm hoạt động, điều tra bằng phiếu hỏi,...

Nghiên cứu được tiến hành trên 270 SV DTTS Trường Đại học Hồng Đức trong năm học 2015-2016.

Điểm trung bình (ĐTB) trong đề tài được tính theo thang 3 mức độ: Quan trọng/Thích/Thành thạo (3 điểm), Bình thường/Chưa thành thạo (2 điểm), Không quan trọng/ Không thích/Chưa biết cách (1 điểm); từ đó, chúng tôi tính ra ĐTB để xác định MĐTƯ với HĐHT của SV: 1,0-1,66: thấp; 1,67-2,33: trung bình; 2,34-3,0: cao.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. MĐTƯ với HĐHT của SV DTTS (bảng 1)

Bảng 1. MĐTƯ với HĐHT của SV DTTS

TT	Hành động học tập	Nhận thức	Thái độ	Kĩ năng	ĐTB	Thứ bậc
1	Phân phối và sắp xếp thời gian học tập	2,19	2,16	2,14	2,16	5
2	Chuẩn bị nghe giảng	2,40	2,38	2,32	2,37	1,5
3	Lĩnh hội thông tin bài giảng	2,42	2,40	2,29	2,37	1,5
4	Sử dụng giáo trình và tài liệu tham khảo	2,17	2,15	2,19	2,17	4
5	Chuẩn bị và tiến hành seminar	2,03	2,01	2,03	2,02	6
6	Ôn tập	2,41	2,39	2,20	2,33	3
Trung bình		2,27	2,25	2,20	2,24	

* Trường Đại học Hồng Đức

Bảng 1 cho thấy, MĐTU với HĐHT của SV là trung bình (ĐTB là 2,24), trong đó:

- Về nhận thức là 2,27 điểm (mức trung bình). Trong các hành động học tập, nhận thức của họ ở mức độ thấp nhất là *Chuẩn bị và tiến hành seminar* (2,03 điểm), sau đó là *Sử dụng giáo trình và tài liệu tham khảo* (2,17 điểm) và *Phân phối và sắp xếp thời gian học tập* (2,19 điểm). Nguyên nhân của thực trạng này là do: Khi còn học ở trường phổ thông, SV DTTS chưa phải chuẩn bị và tiến hành seminar môn học, chưa phải đọc và tham khảo nhiều tài liệu chuyên ngành,... Khi vào đại học, được học theo học chế tín chỉ nên thời gian để tự học, tự nghiên cứu và thảo luận nhiều hơn thời gian học lý thuyết; phải đọc nhiều tài liệu tham khảo cho một môn học,... Ngoài ra, SV DTTS còn tham gia nhiều hoạt động khác nên thời gian dành cho HĐHT bị “xao nhãng”; nhiều em còn chưa biết được phân phối, sắp xếp thời gian học tập, sử dụng tài liệu tham khảo, tiến hành seminar,... là phải làm những gì và tác dụng của việc làm đó như thế nào.

- Về thái độ: ĐTB là 2,25 cho thấy thái độ của SV DTTS đối với HĐHT ở mức bình thường. Trong các hành động học tập, *Chuẩn bị và tiến hành seminar* là hành động mà SV DTTS có MĐTU thấp nhất (ĐTB là 2,01), hành động tiếp theo là *Sử dụng giáo trình và tài liệu tham khảo* (ĐTB là 2,15) và *Phân phối và sắp xếp thời gian học tập* (ĐTB là 2,16). Các hành động *lĩnh hội thông tin bài giảng, ôn tập và chuẩn bị nghe giảng* là những hành động có MĐTU cao (ĐTB lần lượt là 2,40, 2,39 và 2,38). Điều này có thể lý giải như sau: SV DTTS Trường Đại học Hồng Đức còn gặp nhiều khó khăn về nhận thức như năng lực học tập còn hạn chế, phương pháp học tập ở đại học khác với phổ thông, mặc cảm “mình yếu kém không thể giỏi được”, trong giao tiếp thường có thái độ thờ ơ, không biết sử dụng phối hợp ngôn ngữ và cử chỉ, biểu cảm thái độ đúng lúc, đúng chỗ,... Chính những điều này làm cho SV không hứng thú, thiếu tự tin trong học tập và chưa chủ động, tích cực sắp xếp thời gian để học tập tốt.

- Về kỹ năng: ĐTB chung là 2,20 cho thấy, kỹ năng học tập của SV ở mức chưa thành thạo. Trong các hành động học tập, SV có MĐTU thấp nhất là *Chuẩn bị và tiến hành seminar* (ĐTB là 2,03). Điều này có thể lý giải như sau: Khi chuẩn bị và tiến hành seminar, SV chưa nhận thức được đầy đủ, chính xác tác dụng của seminar; chưa đánh giá đúng vai trò và vị trí của seminar (là một khâu không thể thiếu khi tiến hành

hoạt động học ở trường đại học), điều mà ở trường phổ thông các em chưa được học theo hình thức này. Vì vậy, các em chưa thành thạo khi tiến hành seminar, thậm chí nhiều SV còn chưa biết cách chuẩn bị cho công việc này. Hành động tiếp theo là *Phân phối và sắp xếp thời gian học tập* (ĐTB về MĐTU là 2,14). Qua nghiên cứu, chúng tôi thấy đa số SV đều chưa biết cách xây dựng kế hoạch học tập phù hợp, các em còn bị phân tán bởi nhiều công việc, nhiều mối quan tâm. Hành động có mức độ thấp thứ ba là *Sử dụng giáo trình và tài liệu tham khảo* (ĐTB là 2,19). Khi được hỏi về vấn đề này, đa phần SV đều cho rằng, hiện nay trên thị trường có rất nhiều loại sách, nhưng sách chuyên sâu về một số lĩnh vực khoa học thì rất hạn chế; thư viện trường chỉ phục vụ bạn đọc vào giờ hành chính, trong khi khoảng thời gian đó các em phải học trên lớp nên việc mượn tài liệu ở thư viện gặp nhiều khó khăn. Trong việc sử dụng giáo trình và tài liệu tham khảo, nhiều em cũng chưa biết cách ghi chép những nội dung cần thiết, có liên quan đến bài học hoặc sắp xếp những nội dung đã đọc theo từng lĩnh vực khoa học riêng,... Những hành động ôn tập (2,20 điểm), *lĩnh hội thông tin bài giảng* (2,29) và *chuẩn bị nghe giảng* (2,32) là những hành động mà SV thành thạo hơn cả khi tiến hành HĐHT. Hầu hết SV DTTS đều hiểu rằng, chuẩn bị bài trước khi đến lớp là nhớ lại bài cũ có liên quan đến bài học mới và chủ yếu tìm hiểu trước về bài học mới; biết xác định kiến thức trọng tâm của bài mới,... Ôn tập là hiểu và nhớ những kiến thức đã học trong mối quan hệ thống nhất hữu cơ, biết cách sử dụng kết hợp các loại tài liệu để ôn tập,... Lĩnh hội thông tin bài mới là chú ý lắng nghe nội dung bài giảng, ghi chép bài theo cách diễn đạt riêng... Vì vậy, khi thực hiện các hành động học tập này, đa số SV đã biết cách tiến hành thành thạo.

Việc phân tích các biểu hiện cụ thể về MĐTU với HĐHT của SV DTTS Trường Đại học Hồng Đức cho thấy, SV DTTS thích ứng với HĐHT ở mức trung bình. Việc nắm được MĐTU với HĐHT của SV sẽ giúp cho nhà trường, các khoa đào tạo và giảng viên có những thông tin cần thiết để tổ chức hoạt động sư phạm giúp SV cải thiện MĐTU nhằm học tập đạt kết quả cao.

3.2. MĐTU với HĐHT của SV DTTS xét theo các nhóm khách thể

3.2.1. Xét theo khóa đào tạo

*Bảng 2. MĐTU với HĐHT của SV DTTS
xét theo khóa đào tạo*

STT	Khóa đào tạo	Nhận thức	Thái độ	Kĩ năng	ĐTB (1 X 3)
1	Khóa 18 & 36 (năm thứ nhất)	2,21	2,24	2,11	2,19
2	Khóa 17 & 35 (năm thứ hai)	2,33	2,26	2,29	2,29
Trung bình chung		2,27	2,25	2,20	2,24

Bảng 2 cho thấy, SV năm thứ nhất và năm thứ hai đều có MĐTU *trung bình* với HĐHT thể hiện ở ĐTB là 2,24, trong đó SV năm thứ nhất có MĐTU thấp hơn năm thứ hai (2,19 < 2,29). Xét các mặt biểu hiện của MĐTU với HĐHT:

- Về *nhận thức*: SV năm thứ nhất có MĐTU thấp hơn SV năm thứ hai (2,21 < 2,33).

- Về *thái độ*: SV năm thứ nhất có MĐTU thấp hơn SV năm thứ hai (2,24 < 2,26).

- Về *kĩ năng*: SV năm thứ nhất có MĐTU thấp hơn SV năm thứ hai (2,11 < 2,29).

Qua nghiên cứu, chúng tôi thấy: SV năm thứ nhất vừa chuyển từ phổ thông lên đại học nên còn nhiều ngỡ ngàng, chưa làm quen với môi trường sống và học tập ở đại học. Nội dung học tập nhiều và khó, nhịp độ học và phương pháp giảng dạy nhanh mà khả năng học tập của SV năm thứ nhất còn hạn chế, phương pháp học tập của các em chưa phù hợp; nhưng bù lại, đa số SV năm thứ nhất có tinh thần học tập rất hăng say, có ý chí quyết tâm cao và thái độ tích cực trong việc tiếp thu kiến thức. Đến năm thứ hai, SV trải qua một năm học nên đã làm quen với môi trường học tập mới, cuộc sống tập thể, nội dung chương trình và phương pháp giảng dạy ở trường đại học,... Song việc học tập đối với SV năm thứ hai lại có những yêu cầu mới cao hơn và khó hơn năm thứ nhất. Vì vậy, SV năm thứ hai chưa thích ứng cao với HĐHT; tuy nhiên nếu so sánh với SV năm thứ nhất thì MĐTU của SV năm thứ hai vẫn cao hơn.

3.2.2. Xét theo kết quả học tập

*Bảng 3. MĐTU với HĐHT của SV DTTS
xét theo kết quả học tập*

STT	Kết quả học tập	Nhận thức	Thái độ	Kĩ năng	ĐTB (1 X 3)
1	Giỏi	2,59	2,57	2,72	2,63
2	Khá	2,51	2,47	2,28	2,42
3	Trung bình	2,12	2,08	2,16	2,12
4	Yếu	1,87	1,86	1,65	1,79
Trung bình chung		2,27	2,25	2,2	2,24

Bảng 3 cho thấy, SV có kết quả học tập yếu có MĐTU với HĐHT thấp nhất (1,79 điểm), sau đó đến

SV có kết quả học tập trung bình và kết quả học tập khá (ĐTB lần lượt là 2,12 và 2,42). SV có kết quả học tập giỏi có MĐTU cao nhất đối với HĐHT (2,63 điểm). Kết quả này nói lên: SV có kết quả học tập giỏi, khá, trung bình và yếu có MĐTU khác nhau với HĐHT; MĐTU của SV có kết quả học tập khác nhau có sự chênh lệch đáng kể.

SV có kết quả học tập giỏi, khá, trung bình và yếu có MĐTU khác nhau về cả ba mặt nhận thức, thái độ, kĩ năng. Cụ thể:

- Về *nhận thức*: ĐTB MĐTU của SV có kết quả học tập yếu là 1,87; của SV có kết quả học tập trung bình là 2,12; SV có kết quả học tập khá là 2,51 và của SV có kết quả học tập giỏi là 2,59.

- Về *thái độ*: ĐTB MĐTU của SV có kết quả học tập yếu là 1,86; SV có kết quả học tập trung bình là 2,08; SV có kết quả học tập khá là 2,47 và SV có kết quả học tập giỏi là 2,57.

- Về *kĩ năng*: ĐTB MĐTU của SV có kết quả học tập yếu là 1,65; SV có kết quả học tập trung bình là 2,16; SV có kết quả học tập khá là 2,28 và SV có kết quả học tập giỏi là 2,72.

Như vậy, sự khác biệt về MĐTU đối với HĐHT giữa những SV có kết quả học tập khác nhau là đáng kể. Khi xét từng mặt biểu hiện của MĐTU, những SV có kết quả học tập khác nhau thì MĐTU khác nhau. SV có kết quả học tập giỏi, khá có MĐTU với HĐHT cao hơn so với SV có kết quả học tập trung bình và yếu.

Nghiên cứu MĐTU với HĐHT của SV DTTS Trường Đại học Hồng Đức cho thấy, SV thích ứng ở mức *trung bình* với HĐHT; nhiều SV chưa biết cách hoặc chưa thành thạo khi thực hiện các hành động học tập ở đại học. Việc nghiên cứu và chỉ ra được MĐTU với từng hành động học tập là cơ sở để giảng viên tổ chức hoạt động sư phạm giúp SV cải thiện MĐTU nhằm nâng cao kết quả học tập. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Phạm Minh Hạc (2002). *Tuyển tập tâm lí học*. NXB Giáo dục.
- [2] Dương Diệu Hoa (2008). *Giáo trình Tâm lí học phát triển*. NXB Đại học Sư phạm.
- [3] Đặng Thị Lan (2009). *Mức độ thích ứng với hoạt động học một số môn học chung và môn đọc hiểu tiếng nước ngoài của sinh viên Trường Đại học Ngoại Ngữ – Đại học Quốc gia Hà Nội*. Luận án tiến sĩ. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [4] Brem P.A (1990). *Personal adjustment*. California University, USA.